

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2020/DS-PT

Ngày: 15-12-2020

"V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Ông Bùi Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 451/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp A.L, xã A.B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M là ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: số S, ấp N.C, xã N.M, huyện C, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1961;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U là ông Phan Tấn K, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp T.T, xã N.M, huyện C, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Tấn K, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp T.T, xã N.M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Tấn K là Luật sư Nguyễn Tấn T1 – Chi nhánh công ty Luật TNHH Luật H và C, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Đường N.T, khóm M.T, huyện C, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị U và ông Phan Tấn K (Là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Ngày 12/4/2019 bà M và bà U làm giấy tay thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất 1.084m² đất trồng lúa thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp T.T, xã N.M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Giá chuyển nhượng là 1.400.000.000 (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) và đường đi 2m từ đất ra ngoài đường lộ nông thôn. Bà M đưa trước số tiền cọc là 100.000.000 đồng và bà U có viết cam kết nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bồi thường gấp đôi. Ngày 14/4/2019 bà M và bà U xác lập thêm lại tờ thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất và thêm phương thức thanh toán. Thỏa thuận bà M sẽ trả 400.000.000 đồng trong năm 2019; hai năm sau mỗi năm đưa thêm 500.000.000 đồng nữa là đủ. Đồng thời, bà M đã giao cho bà U 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, thực trạng không có đường đi như đã giao kết vì khi đến xem đất thì bị gia đình của ông N2 là người đang đứng tên quyền sử dụng đất trên lối đi ngăn cản. Do đó, bà M hủy hợp đồng và yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà U không đồng ý. Ngoài ra, bà M còn phát hiện được tại thời điểm thỏa thuận chuyển nhượng thì phần đất trên bà U và ông K đi thế chấp tại Ngân hàng TMCP K.L Chi nhánh Đồng Tháp. Bà M không thừa nhận có biết việc tranh chấp lối đi nhưng vẫn nhận chuyển nhượng như lời trình bày của bà U, ông K và hai người làm chứng là H1 Thị C1 và Trần Văn H1.

Nay bà Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị U vô hiệu. Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Phan Tấn K trả cho bà M số tiền là 100.000.000.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà U thống nhất là cùng ông K với bà M có làm thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay. Thừa nhận có xác lập hợp đồng vào ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019 như bà M cung cấp. Thỏa thuận bà U chuyển nhượng cho bà M diện tích đất 1.084m² đất trồng lúa thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp T.T, xã N.M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp với số tiền là 1.400.000.000 (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng). Đồng thời, có cam kết sẽ giao thêm đường đi 2m từ đất ra ngoài đường lộ nông thôn. Bà M đã đưa cọc trước số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và bà U cam kết nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bồi thường gấp đôi. Tại thời điểm làm giấy thỏa thuận, bà U có nói với bà M là lời đi đang tranh chấp và đảm bảo là bà M có lời đi 2m nên bà M đồng ý nhận chuyển nhượng. Bà U thừa nhận tại thời điểm chuyển nhượng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất trên đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP K.L nhưng không cho bà M biết. Khi nào bà M đưa đủ tiền thì sẽ đến Ngân hàng lấy giấy chứng nhận về làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bà M không trả tiền cho bà U theo như thỏa thuận ngày 14/4/2019 là vi phạm thỏa thuận nên thống nhất không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng. Đồng thời, bà U không đồng ý trả lại bà M số tiền đã đặt cọc là 100.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Tấn K trình bày:

Ông K thừa nhận cùng bà U thống nhất chuyển nhượng và đồng ý xác lập hợp đồng ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019. Thỏa thuận chuyển nhượng cho bà M diện tích đất nêu trên với giá thỏa thuận là 1.400.000.000 đồng, ông và bà U có cam kết sẽ giao cho bà M thêm đường đi 2m đường đi chung từ đất ra ngoài đường lộ nông thôn. Khi ông K và bà U nhận tiền cọc 100.000.000 đồng thì có cho bà M biết đường đi đang tranh chấp. Phần lời đi đó do anh ruột của bà U là ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp T.T, xã N.M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đứng tên quyền sử dụng nhưng có thỏa cho ông K và bà U được đi. Do đó, nếu ông K và bà U chuyển nhượng phần đất đó cho bất kỳ ai thì cũng được phép đi trên phần đất đó. Sau đó, ông N2 đổi ý nên ông K, bà U có tranh chấp lời đi tại Tòa án nhân dân huyện C. Trong quá trình giải quyết biết được ông N2 đã chuyển phần đất của ông N2 cho người khác, hiện nay là bà L2 đang đứng tên và quản lý. Vào ngày 10/12/2019, ông K và bà U với bà L2 đã thỏa thuận đảm bảo được lời đi cho bà M nên không có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng. Việc tại thời điểm chuyển nhượng cho bà M thì ông K và bà U đã thế chấp giấy chứng nhận tại Ngân hàng TMCP K.L nhưng bà M không biết việc này. Do nghĩ rằng khi nào bà M trả đủ tiền thì đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

Ngoài ra, ông K và bà U có thỏa thuận lại với bà M sẽ làm hợp đồng khác và có thỏa thuận lời đi. Nếu không thực hiện đúng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trả

lại tiền gốc với tiền lãi trên số tiền đã nhận theo lãi suất ngân hàng nhưng bà M im lặng và đi về. Do bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Đồng thời, ông K và bà U không làm sai thỏa thuận nên việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng là lỗi của bà M, ông K không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng và trả lại số tiền đã đặt cọc là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M, bà U và ông K thống nhất không yêu cầu đưa ông Nguyễn Văn N2, bà Lê Thị Kim L2 và Ngân hàng TMCP K.L vào tham gia với tư cách là người liên quan trong vụ án do không phát sinh quyền và nghĩa vụ. Ngoài ra, các bên thừa nhận mới giao kết bằng giấy tay nên chưa thực hiện đúng hình thức hợp đồng và cũng chưa giao đất ngoài thực trạng nên thống nhất không yêu cầu xem xét thẩm định, đo đạc và định giá. Các bên thống nhất không yêu cầu thực hiện hợp đồng mà chỉ giải quyết hậu quả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127, Điều 129, Điều 131, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị M.

Tuyên bố giao dịch dân sự là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019, giữa bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị U là vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị U, ông Phan Tấn K có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị U phải nộp tiền án phí dân sự 2.500.000 đồng và ông Phan Tấn K phải nộp tiền án phí dân sự 2.500.000 đồng nhưng do ông K là người cao tuổi nên được miễn.

Bà Phạm Thị M được nhận lại tiền án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009706 ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 8 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Tấn K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị U và ông Phan Tấn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Tấn K là Luật sư Nguyễn Tấn T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà U và ông K, vì bà M không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vi phạm hợp đồng nên bà M phải mất 100.000.000 đồng tiền cọc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị U và ông Phan Tấn K; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp, vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà U với bà M là giao dịch dân sự vô hiệu. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bà Nguyễn Thị U và ông Phan Tấn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu của bà Nguyễn Thị U và ông Phan Tấn K là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ:

- Về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà U là hợp đồng làm bằng giấy tay vào ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019 không được công chứng, chứng thực. Căn cứ Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 thì hình thức hợp đồng là chưa đúng theo quy định.

- Về nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà U: Bà U và ông K thừa nhận tại thời điểm chuyển nhượng phần đất là chưa có lối đi, do còn tranh chấp tại Tòa án nhân dân huyện C và hiện tại thì bà U và ông K cũng chưa đứng tên đối với lối đi trên. Bên cạnh đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đối tượng chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng thì bà U đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP K.L và việc thế chấp này thì bà U và ông K thừa nhận là không thông báo cho bà M biết. Đồng thời, tại thời điểm chuyển nhượng thì bà M không biết việc thế chấp trên. Như vậy, tại thời điểm giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với bà U thì quyền sử dụng đất là đối tượng chuyển nhượng đang thế chấp nên không thể thực hiện việc chuyển nhượng được.

Từ những nhận định trên cho thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà U với bà M ký ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019 là giao dịch dân sự vi phạm về hình thức và nội dung. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà U và bà M ký ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019 là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự. Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà U với bà M vô hiệu và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ nên về hậu quả các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã

nhận theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự, cụ thể về hậu quả là buộc bà U và ông K có nghĩa vụ trả lại cho bà M tiền cọc 100.000.000 đồng như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà U và ông K không đồng ý trả 100.000.000 đồng tiền cọc cho bà M, vì bà U và ông K cho rằng không vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng chuyển nhượng giữa bà U với bà M là vô hiệu như đã phân tích trên nên việc bà U và ông K không đồng ý trả lại số tiền cọc trên cho bà M là không có căn cứ nên không được chấp nhận lời trình bày của bà U và ông K.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà U, ông K và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Tấn K là Luật sư Nguyễn Tấn T1 tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở nên không chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận, đồng thời bà U bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà U còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do không được chấp nhận kháng cáo.

- Do ông K là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[9] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 129, Điều 131, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Tấn K.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

4. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2019 và ngày 14/4/2019 giữa bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị U là giao dịch dân sự vô hiệu.

5. Buộc bà Nguyễn Thị U, ông Phan Tấn K có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị M tiền cọc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Bà Nguyễn Thị U phải nộp 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị M 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009706 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6.3. Bà Nguyễn Thị U phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004005 ngày 07/8/2020 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Đồng Tháp (bà U đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm).

6.4. Ông Phan Tấn K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

7. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao